

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22-9-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Bích Hằng
- Ông Phạm Tuấn Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 336/2022/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 09 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1982; HKTT: Tổ 9, Ấp K, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Số xx, đường ĐX 069, Tổ 1, Khu phố 6, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm D, sinh năm 1984; HKTT: Số xx, đường ĐX 069, Tổ 1, Khu phố 6, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng A trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng A và bà Nguyễn Thị Cẩm D tự nguyện chung sống và kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 52, ngày 28/8/2019, tại UBND xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng

khoảng thời gian gần đây (khoảng năm 2021) thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn hạnh phúc, thường hay cãi vã, bất đồng quan điểm. Bà D không còn quan tâm, chăm sóc gia đình, ông A đã cố gắng chịu đựng và tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả.

Vì vậy, nay thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, ông A không còn tình cảm với bà D, không thể hàn gắn được nên ông A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Cẩm D. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu địa phương, gia đình hai bên hòa giải.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung: Nguyễn Quỳnh A1, sinh ngày 05/5/2018. Hiện nay con chung đang sống cùng ông A và bà D. Sau khi ly hôn ông A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Vì bà D không có công việc ổn định, không biết cách chăm sóc con cái, thường hay đi sớm về muộn, luôn dạy con theo kiểu tiêu cực, việc gì cũng đăng lên mạng xã hội Zalo, Facebook. Bà D luôn đem con cái ra gây áp lực với gia đình ông A. Hiện nay ông A đang làm việc tại Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới tỉnh XX thu nhập khoảng 12.000.000 đồng/tháng (có bản xác nhận lương đã cung cấp cho Tòa án) đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung.

Ông A đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 9, Ấp K, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương (cùng hộ khẩu với mẹ ruột), nhưng hiện nay đang cư trú tại: Số xx đường ĐX 069, Tổ 1, Khu phố 6, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nhà của cha ruột ông A, hiện nay ông A và bà D chung sống cùng với cha của ông A và bà D đăng ký hộ khẩu thường trú tại đây).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông A không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: Căn cước công dân, sổ hộ khẩu của ông Nguyễn Hoàng A (bản sao); xác nhận thông tin về cư trú (bản chính); giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); giấy khai sinh của con (bản sao); bản xác nhận lương của ông Nguyễn Hoàng A (bản chính).

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm D trình bày:

Về hôn nhân: Bà D và ông Nguyễn Hoàng A tự nguyện chung sống và kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 52, ngày 28/8/2019, tại UBND xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương mặc dù khi bà D và ông A chung sống với nhau thì phía gia đình ông A không chấp nhận bà D. Tuy nhiên quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng càng về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn hạnh phúc,

thường hay cãi vã, bất đồng quan điểm. Mặc dù hiện nay bà D vẫn còn yêu thương chồng con, nhưng do ông A là người đàn ông không có lập trường, bản lĩnh, luôn nghe theo lời cha mẹ, không tôn trọng vợ con, có hành vi bạo hành đánh đập bà D gây thương tích nhưng vì tình cảm vợ chồng nên bà D không báo với chính quyền địa phương. Ngoài ra bà D còn nghi ngờ ông A có người phụ nữ khác nhưng bà D không có chứng cứ. Hơn nữa giữa bà D và gia đình phía chồng có nhiều bất đồng, mâu thuẫn (mâu thuẫn với mẹ chồng) nên vợ chồng không thể tiếp tục chung sống. Vì vậy, bà D đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng A.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung: Nguyễn Quỳnh A1, sinh ngày 05/5/2018. Hiện nay con chung đang sống cùng bà D và ông A. Sau khi ly hôn bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Vì con chung là con gái, ông A làm công việc hành chính không có thời gian chăm sóc con, còn bà D làm công việc tự do (bỏ mối, buôn bán vé số) mặc dù thu nhập không được ổn định nhưng cũng được khoảng 10.000.000 đồng/tháng, đủ khả năng nuôi dưỡng con (do làm việc tự do nên không thể chứng minh thu nhập được, không có tài liệu chứng cứ để giao nộp cho Tòa án). Hơn nữa, bà D nhận thấy mẹ chồng của bà D không thương con của bà D nên bà D không yên tâm để ông A nuôi dưỡng. Ngoài ra, bà D và ông A cũng đã từng có gia đình, có con riêng nên bà D mong muốn được nuôi con chung là Nguyễn Quỳnh A1.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà D không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà D và ông A hiện đang sinh sống tại địa chỉ (HKTT): Số xx, đường ĐX 069, Tổ 1, Khu phố 6, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vợ chồng sống cùng với cha ông Nguyễn Văn A (không sống cùng với mẹ ông A, mẹ ông A sinh sống ở huyện D). Nhà đất tại địa chỉ này là tài sản chung của bà D và ông A, nhưng do ông A và cha ông A yêu cầu để cho cha ông A đứng tên, tuy nhiên bà D không tranh chấp tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng A có mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm D có mặt, đồng ý ly hôn và yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

- Ông Nguyễn Hoàng A và Nguyễn Thị Cẩm D thống nhất thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận. Thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung.

- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và Gia đình, do giữa ông A và bà D đã tự nguyện ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn; đối với tranh chấp về nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng A.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 14 tháng 7 năm 2022, ông Nguyễn Hoàng A có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bà Nguyễn Thị Cẩm D. Từ những nội dung tranh chấp nêu trên, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2]. Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Hoàng A khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bà Nguyễn Thị Cẩm D, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại thời điểm thụ lý, bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm D đang cư trú tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Hoàng A và bà Nguyễn Thị Cẩm D tự nguyện chung sống và kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 52, ngày 28/8/2019, tại UBND xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa ông A và bà D là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, đã tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8,9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay ông A và bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên thống nhất thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận. Do ông A và bà D đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống ông A và bà D có 01 con chung là: Nguyễn Quỳnh A1, sinh ngày 05/5/2018. Hiện nay con chung đang sống cùng ông A và bà D. Sau khi ly hôn ông A, bà D đều yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Xét thấy, đối với con chung Nguyễn Quỳnh A1, sinh ngày 05/5/2018 đã trên 03 tuổi. Hiện nay, ông A có công việc và thu nhập, chỗ ở ổn định đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để con chung phát triển ổn định, toàn diện cần giao con chung chung Nguyễn Quỳnh A1, sinh ngày 05/5/2018 cho ông Nguyễn Hoàng A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nên yêu cầu của ông A về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung được chấp nhận.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông A không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con nên bà D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3]. Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Hoàng A phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 53, 55, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng A về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm D.

1.1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Hoàng A và bà Nguyễn Thị Cẩm D.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng A và bà Nguyễn Thị Cẩm D thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Quỳnh A1, sinh ngày 05/5/2018 cho ông Nguyễn Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Cẩm D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con nếu cần thiết.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001688, ngày 26/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Nga